

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 420/2019/QĐST-DS

Quận 1, ngày 22 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v TUYÊN BỐ MỘT NGƯỜI LÀ ĐÃ CHẾT
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Minh Hoàng Vương - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Ông Trần Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên họp: Bà Trần Lệ Thủy-Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 236/2019/DSST ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu “Tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp số 5074/2019/QĐ-MPH ngày 07 tháng 10 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Bà Trần Thị N, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 102/7A đường A, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh..

2. Người bị yêu cầu: Ông Trần Thành T, sinh năm 1949.

Nơi cư trú cuối cùng: 102/7A đường A, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh..

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 68/66/28 đường A, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 102/20 đường A, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Bà Trần Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 346 đường T, TN, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M, ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn L, bà Trần Thị N: Bà Trần Thị N, sinh năm 1960; Địa chỉ: 102/7A đường A, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh..

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Bà Trần Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 1 tuyên bố ông Trần Thành T, sinh năm: 1949 có nơi cư trú cuối cùng tại số 102/7A đường A, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. là đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 1 nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Trần Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 1 tuyên bố anh của bà là ông Trần Thành T, sinh năm: 1949 có nơi cư trú cuối cùng tại số 102/7A đường A, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. là đã chết. Căn cứ khoản 4 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Theo trình bày của người yêu cầu và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì bà N là em ruột của ông Trần Thành T. Trước ngày 30/4/1975 ông Trần Thành T cư trú tại 102/7A đường A, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.. Sau 30/4/1975, ông T đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay và ông T cũng không liên lạc gì với gia đình. Lúc bỏ đi ông T chưa có vợ con. Ngoài tờ khai gia đình ngày 30/01/1975 trước năm 1975 tại nhà số 102/7A đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có tên ông Trần Thành T thì gia đình không còn bất kỳ tài liệu nào về ông Trần Thành T. Gia đình đã nhiều lần tìm kiếm và đăng báo, phương tiện thông tin đại chúng để tìm kiếm nhưng không có kết quả. Nay, bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trần Thành T là đã chết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Trần Thị M, sinh năm 1953; ông Trần Văn Đ, sinh năm 1955; ông Trần Văn L, sinh năm 1958; bà Trần Thị N, sinh năm 1963 do bà Trần Thị N làm đại diện theo ủy quyền đều có ý kiến thống nhất với yêu cầu của bà Trần Thị N đề nghị Tòa án nhân dân Quận 1 tuyên bố ông Trần Thành T là đã chết.

Bà Trần Thị N đã đăng tin tìm kiếm ông Trần Thành T trên Báo Thanh Niên (số ngày 07, 08 và 09/6/2019) và trên Đài Tiếng nói Việt Nam 03 kỳ liên tiếp (20, 21 và 22/6/2019) theo qui định của pháp luật;

Theo Kết quả xác minh ngày 29/01/2019 và Giấy Xác nhận ngày 20/11/2018 của Công an phường Tân Định, Quận 1: Ông Trần Thành T không rõ tình trạng hôn nhân; Ông Trần Thành T, sinh năm: 1949 không có đăng ký thường trú tại số 102/7A đường A, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. và hiện không thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên. Theo Tờ khai gia đình đề ngày 31/01/1975 trích lục từ Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì tại nhà số 102/7A Trần Quang Khải, Khóm 5 LG 12 Phường Trần Quang Khải, Quận 1, Sài Gòn có tên ông Trần Thành T, sinh ngày 15/02/1949 là con trai của bà Phạm Thị Mai và ông Trần Văn Nhỏ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ số 145820 ngày 01/10/1976 trích lục tại Công an Quận 1 thì tại nhà số 102/7A Trần Quang Khải, Phường 3, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không có tên ông Trần Thành T cư trú. Mặt khác, lời khai của người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng là anh chị em của ông Trần Thành T là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ nêu trên. Tuy nhiên, lời khai của người thân rằng ông Trần Thành T biệt tích từ sau ngày 30/4/1975 chưa đủ có cơ sở để xác định ngày tháng biệt tích của ông Trần Thành T nên Tòa án xác định năm biết được tin tức cuối cùng của ông T là năm 1975. Như vậy, ông Trần Thành T đã biệt tích trên 05 năm liền và không có tin tức xác thực là ông Triều còn sống. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Dân sự, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N về việc xin tuyên bố ông Trần Thành T là đã chết. Căn cứ khoản 1 Điều 68 và khoản 2 Điều 71 của Bộ luật Dân sự thì ngày Ông Trần Thành T được xác định đã chết là ngày 01/01/1981.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và lời trình bày của người yêu cầu và người có quyền, nghĩa vụ liên quan; bà N và gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm và đăng tin tìm kiếm ông Trần Thành T trên Báo Thanh Niên (số ngày 07, 08 và 09/6/2019) và trên Đài Tiếng nói Việt Nam 03 kỳ liên tiếp (20, 21 và 22/6/2019) theo qui định của pháp luật là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu về việc tuyên bố ông Trần Thành T là đã chết. Ngày có tin tức cuối cùng của ông Trần Thành T được xác định theo pháp luật là ngày 01/01/1976 nên ngày chết của ông T theo qui định của pháp luật là ngày 01/01/1981.

[3] Về lệ phí: Bà Trần Thị N phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 4, Điều 27; điểm a, khoản 2, Điều 35; điểm b, khoản 2, Điều 39; Điều 149; Điều 150; Điều 361; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 393 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 68, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trần Thị N.

Tuyên bố ông Trần Thành T, sinh năm: 1949 có nơi cư trú cuối cùng tại số 102/7A đường A, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. là đã chết. Ngày chết của ông Trần Thành T là ngày 01/01/1981.

Khi quyết định của Tòa án tuyên bố ông Trần Thành T là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của ông Trần Thành T được giải quyết như đối với người đã chết. Quan hệ tài sản của ông Trần Thành T được giải quyết như đối với người đã chết. Tài sản của ông Trần Thành T được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

2. Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Trần Thị N chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0023915 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- UBND P. Tân Định, Q.1;
- Thi hành án dân sự Q.1;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Minh Hoàng Vương